

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số 13/2017/HSST
Ngày 20/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Xuân Tri.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Sáu.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông: A Lăng Vượt.

Nghề nghiệp: Hưu trí.

Nơi công tác: Hội nạn nhân chất độc da cam huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà: Lê Thị Linh Giang, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Ông: Võ Cao Linh. Kiểm sát viên.

Hôm nay vào lúc 07 giờ 00 phút ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại cơ quan Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2017/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

N. Họ và tên gọi khác: Không có; sinh năm 1995 tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú tại thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp trước khi bị bắt là lao động phổ thông; trình độ văn hóa không biết chữ; con ông X và bà B (ông X và bà B đều đã chết); bị cáo chưa có vợ; con; tiền sự không có; tiền án: Ngày 15 tháng 8 năm 2013 bị Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xử phạt 27 (hai mươi bảy) tháng tù về Tội trộm cắp tài sản (bản án hình sự sơ thẩm số 29/2013/HSST ngày 15/8/2013 của TAND huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam), bị cáo thi hành xong hình phạt tù ngày 28/3/2015 và ngày 10 tháng 12 năm 2015 bị TAND huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xử phạt 01 (một) năm tù về Tội trộm cắp tài sản (bản án hình sự sơ thẩm số 25/2015/HSST ngày 10/12/2015 của TAND huyện Nam Giang, tỉnh

Quảng Nam), bị cáo thi hành xong hình phạt tù ngày 13 tháng 10 năm 2016; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18 tháng 9 năm 2017 và sau đó chuyển sang tạm giam. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Bà: Nguyễn Thị Hồng Phúc - là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bị hại:

Ông: A và vợ là bà C; có ông:

A, sinh năm 1986, nơi cư trú tại thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam được người vợ ủy quyền tham gia phiên tòa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông: M, sinh năm 1973, nơi cư trú tại thôn A, xã L, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Bà: P, sinh năm 1986, nơi cư trú tại Tổ 8, thôn M, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Ông: L, sinh năm 1991, nơi cư trú tại thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Ông: Z, sinh năm 1991, nơi cư trú tại thôn P, xã D, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi đã thực hiện như sau: Bị cáo được vợ chồng ông A cho ở nhờ trong nhà. Hàng ngày, bị cáo nhìn thấy vợ, chồng ông A mở tủ ti vi lấy tiền và cất chìa khóa trong phòng ngủ, nên bị cáo nảy sinh ý đồ trộm cắp tài sản của vợ chồng ông A. Khoảng 14 giờ 00 ngày 02 tháng 9 năm 2017, sau khi uống rượu, bị cáo đi về nhà ông A. Lúc này nhà ông A không có người ở nhà. Bị cáo vào nhà bếp của ông A ăn cơm, sau đó đi lên nhà trên và đi qua phòng ngủ, bị cáo nhìn thấy chùm chìa khóa nên lấy rồi đi ra phòng khách mở tủ ti vi và phát hiện 01 (một) chiếc hộp đựng bánh. Mở chiếc hộp, bị cáo nhìn thấy có 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng và 01 (một) hộp hình tròn màu đỏ. Tiếp tục mở chiếc hộp màu đỏ, bị cáo nhìn thấy có 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại vàng. Bị cáo lấy hộp màu đỏ và 03 (ba) sợi dây chuyền bỏ vào túi quần rồi đóng tủ ti vi, đem chìa khóa đặt lại vị trí cũ. Bị cáo đi bộ ra đường nhựa đón xe ô tô đi đến xã L, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Trên đường đi, bị cáo lấy 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại vàng cất vào trong ví và vớt hộp đựng vàng xuống cầu Kabeco. Do quên không mang theo quần áo nên bị cáo đón xe từ xã L quay lại nhà ông A để lấy quần áo. Sau đó, bị cáo nhờ ông L chở bằng xe mô tô đến lại xã L. Bị cáo đến tiệm vàng T của ông M bán 01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng trọng lượng 02 (hai) chỉ giá 4.370.000 (bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng. Bị cáo trả 290.000 (hai trăm chín mươi nghìn) đồng tiền công vận chuyển cho ông L. Bị cáo tiếp tục đón xe ô tô đi xuống thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Nam và đi đến tiệm vàng V của bà P tại Tổ 8, thôn M, thị trấn C bán 01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng trọng lượng 03 (ba) chỉ giá 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng. Sau đó, bị cáo đón xe đi thành phố

Đà Nẵng tiêu xài. Đến ngày 18 tháng 9 năm 2017, bị cáo đến công an huyện Nam Giang để đầu thú.

Cơ quan điều tra xác định chủ tiệm vàng T là ông M; chủ tiệm vàng V là bà P đều không biết nguồn gốc số vàng bị cáo đem bán là vàng trộm cắp và số vàng đó cũng đã được chủ các tiệm vàng khò lại bán cho người khác không xác định được nên không thể thu hồi và không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với các chủ tiệm vàng; cũng như ông L dùng xe mô tô cá nhân chở bị cáo đi xã L được trả tiền công và ông Z có cùng ăn tiêu với bị cáo tại thị trấn C nhưng cả hai người này đều không biết hành vi trộm cắp của bị cáo, cũng không biết nguồn gốc số tiền bị cáo dùng chi tiêu nên không xem xét trách nhiệm pháp lý ông L và ông Z. Bị cáo còn khai có 01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng trộm của ông A thì trên đường đi từ xã L đến thị trấn C, bị cáo đã đánh rơi nhưng không xác định được vị trí nên không thể truy tìm.

Kết luận định giá ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự 01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng 96 trọng lượng 03 (ba) chỉ giá trị là 9.000.000 (chín triệu) đồng; 01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng 96 trọng lượng 02 (hai) chỉ giá trị là 6.000.000 (sáu triệu) đồng và 01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng 96 trọng lượng 02 (hai) chỉ giá trị là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Tổng giá trị tài sản là 21.000.000 (hai mươi một) triệu đồng. Bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi đã thực hiện, thiệt hại do hành vi của bị cáo gây ra phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; đồng thời người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại vàng, loại vàng 96 trọng lượng 07 (bảy) chỉ có hình dáng như 03 (ba) sợi dây chuyền bị cáo lấy trộm và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo N về Tội trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang trong phần tranh luận xác định lại hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất, hậu quả hành vi, đặc điểm nhân thân, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo N về Tội trộm cắp tài sản; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm tù đến 04 (bốn) năm tù và buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến thống nhất tội danh, điểm, khoản, Điều luật, loại hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 và một số tình tiết khác coi là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999; đồng thời áp dụng Điều 47 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo.

Bị cáo thống nhất ý kiến của người bào chữa. Bị cáo không bào chữa thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo N được ông A cho ở nhờ trong nhà và bị cáo nhìn thấy được ông A dùng chìa khóa mở tủ ti vi để lấy tiền nên bị cáo có ý định trộm cắp tiền của ông A. Ngày 02 tháng 9 năm 2017, sau khi uống rượu, bị cáo đi về nhà ông A, tại thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Nam, lúc đó nhà ông A không có người, bị cáo đi vào nhà bếp ăn cơm, rồi bị cáo lên nhà trên tìm được chìa khóa đem mở tủ ti vi lấy trộm của vợ, chồng ông A 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại vàng, loại vàng 96. Theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại vàng, loại vàng 96, có trọng lượng 07 (bảy) chỉ theo hình dáng dây chuyền vàng bị trộm giá trị là 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng. Do đó, bị cáo phạm vào Tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999; đồng thời xem xét về án tích của bị cáo thì bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, vì vậy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của BLHS năm 1999.

Xét tính chất vụ án thì chế độ sở hữu tài sản được nhà nước bảo vệ và yêu cầu mọi người phải tôn trọng. Bị cáo N đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác.

Xét hành vi của bị cáo là liều lĩnh và nghiêm trọng. Là một thanh niên có sức khỏe nhưng bị cáo không quyết tâm lao động, tạo dựng cuộc sống và mặc dù được gia đình người bị hại cho ở nhờ trong nhà nhưng bị cáo lại theo dõi thấy người bị hại dùng chìa khóa mở tủ lấy tiền và khi có cơ hội thuận lợi, bị cáo lấy chìa khóa mở tủ trộm tài sản của người bị hại để bán lấy tiền nhằm mục đích ăn chơi. Hành vi của bị cáo đã làm thiệt hại cho vợ, chồng người bị hại 07 chỉ vàng 96, đây là tài sản có giá trị lớn đối với vợ, chồng người bị hại, mà vợ, chồng người bị hại phải mất nhiều mồ hôi, công sức vất vả mới có được; đồng thời làm mất trật tự xã hội.

Xét về ý kiến của người bào chữa về việc đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 02 tháng 9 năm 2017, bị cáo lấy trộm vàng của người bị hại thì đến ngày 03 tháng 9 năm 2017, gia đình người bị hại phát hiện mất vàng và nhận định có dấu hiệu bị cáo là người lấy trộm vàng nên người bị hại đã đến báo cáo với cơ quan chức năng và cho đến ngày 18 tháng 9 năm 2017, bị cáo mới ra đầu thú nên trường hợp của bị cáo không thỏa mãn để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999, riêng một số tình tiết khác được coi là giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 mà người bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo, Hội xét xử ghi nhận và áp dụng.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo xin lỗi người bị hại và hứa sẽ lao động kiếm tiền trả cho gia đình người bị hại; bị cáo đã ra đầu thú, cha mẹ bị cáo mất sớm, tuy còn anh chị nhưng đều đã có gia đình ở riêng và bị cáo trong hoàn cảnh không có nơi nương tựa từ lúc còn chưa thành niên, bị cáo là người dân tộc, sống tại vùng khó khăn lại không biết chữ nên không có năng lực để học hỏi tiếp thu hiểu biết pháp luật, nhận thức không đầy đủ. Do đó, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Xét tính chất, hậu quả của hành vi, Hội đồng xét xử thấy rằng phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội và tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại và xét mục đích, động cơ phạm tội, đặc điểm nhân thân, Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 47 của BLHS năm 1999 mà xử phạt bị cáo mức thấp của loại hình phạt tù quy định tại khoản 2 Điều 138 của BLHS năm 1999.

Xét về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của BLHS năm 1999 thì “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, chủ yếu đi làm thuê cho bà con tại nơi cư trú để kiếm sống qua ngày. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xét về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử thấy rằng theo lời khai của bị cáo, trong số 03 (ba) sợi dây chuyền bằng kim loại vàng bị cáo lấy trộm thì bị cáo chỉ bán 02 (hai) sợi trọng lượng 05 (năm) chỉ, còn lại 01 (một) sợi trọng lượng 02 (hai) chỉ bị cáo đánh rơi mất. Tuy nhiên, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hậu quả của hành vi mình gây ra và theo yêu cầu của gia đình người bị hại, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 42 của BLHS năm 1999 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự (sau đây viết tắt là BLDS) buộc bị cáo phải bồi thường 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại vàng, loại vàng 96 trọng lượng 07 (bảy) chỉ theo hình dáng như 03 (ba) sợi dây chuyền bị cáo lấy trộm (theo định giá ngày 12/9/2017 có giá trị là 21.000.0000 (hai mươi một triệu) đồng).

Xét về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng cơ quan điều tra đã xác định chủ tiệm vàng T là ông M; chủ tiệm vàng V là bà P đều không biết nguồn gốc số vàng bị cáo đem bán do trộm cắp mà có; cũng như ông L dùng xe mô tô cá nhân chở bị cáo đi xã L được trả tiền công và ông Z có cùng ăn tiêu với bị cáo tại thị trấn C nhưng cả hai người này đều không biết hành vi trộm cắp của bị cáo, cũng không biết nguồn gốc số tiền bị cáo dùng chi tiêu do trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm pháp lý các trường hợp này. Tại phiên tòa, kiểm tra lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác thì không có gì mới so với kết quả điều tra, nên Hội đồng xét

xử không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét về án phí, căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) năm 2003 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (sau đây viết tắt là UBTVQH), bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (21.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999; phạt bị cáo N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 18 tháng 9 năm 2017.

2. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 của BLHS năm 1999 và Điều 589 của BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ, chồng ông A 03 (ba) sợi dây chuyền kim loại vàng, loại vàng 96. Cụ thể:

+01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng trọng lượng 03 (ba) chỉ gồm các mắc xích hình trụ tròn được nối lại với nhau bởi các hình trụ tròn ở hai đầu.

+01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng trọng lượng 02 (hai) chỉ gồm các mắc xích hình chữ nhật đan vào nhau.

+01 (một) sợi dây chuyền kim loại vàng trọng lượng 02 (hai) chỉ gồm các mắc xích hình chữ nhật đan vào nhau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí:

Căn cứ Điều 99 của BLTTHS năm 2003 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, bị cáo N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.050.000 (một triệu không trăm năm chục nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp Quảng Nam (Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Xuân Tri